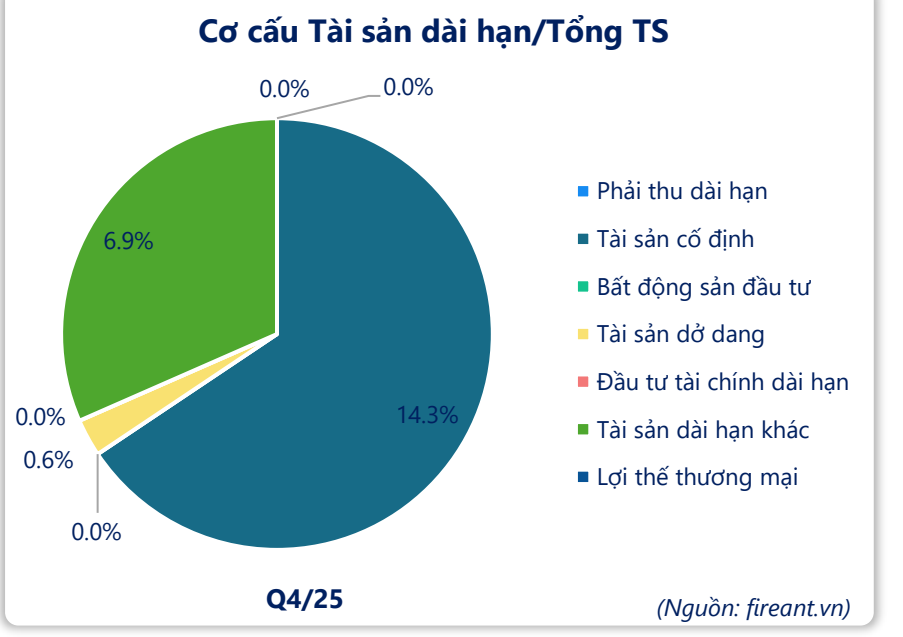
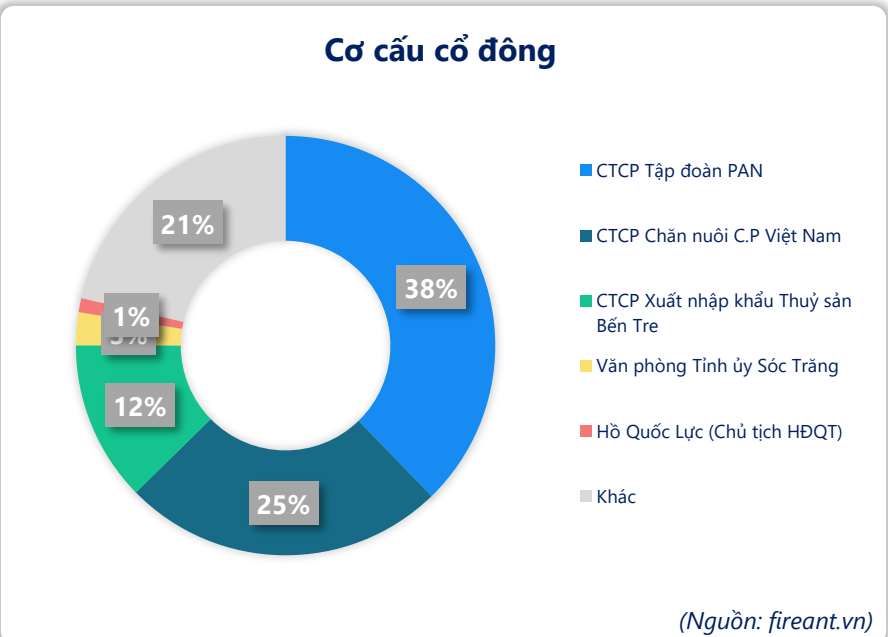
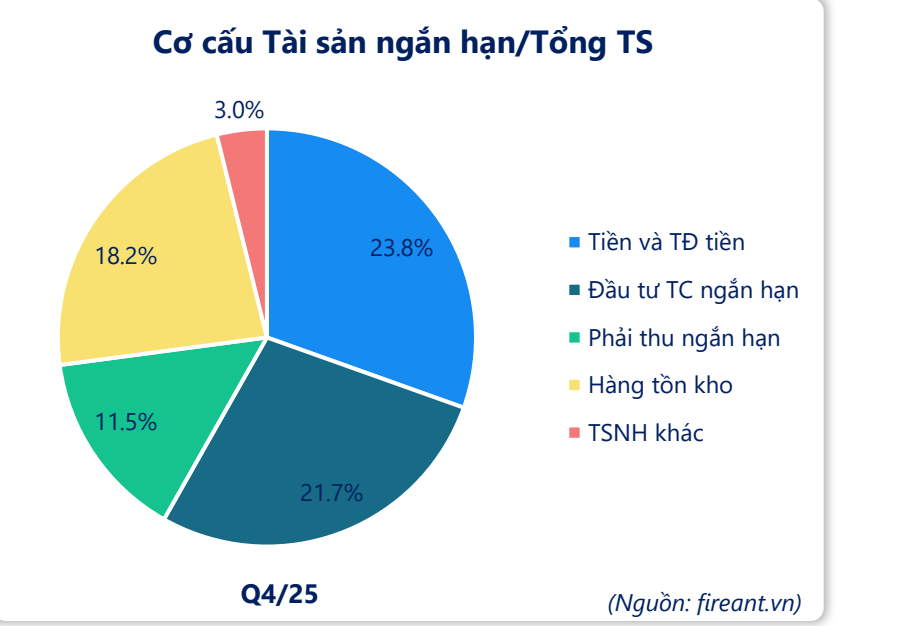
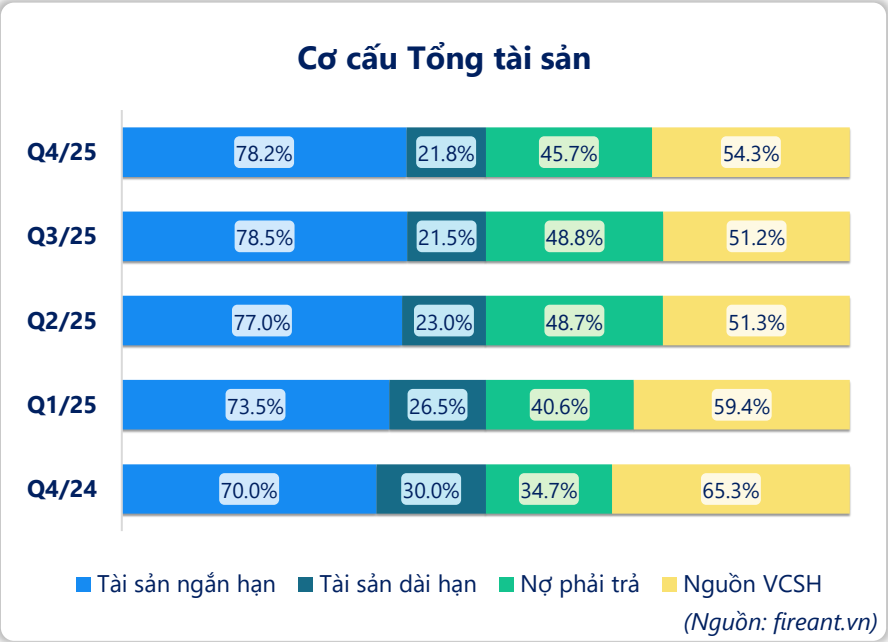
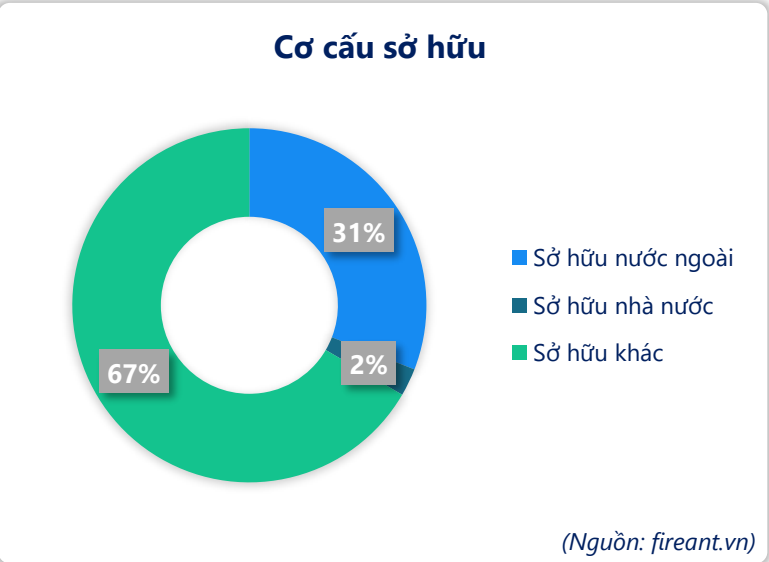
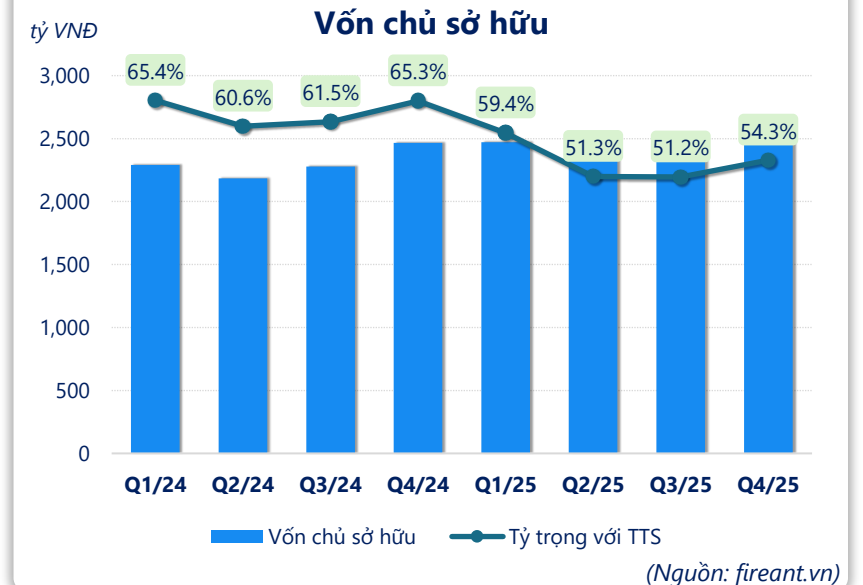
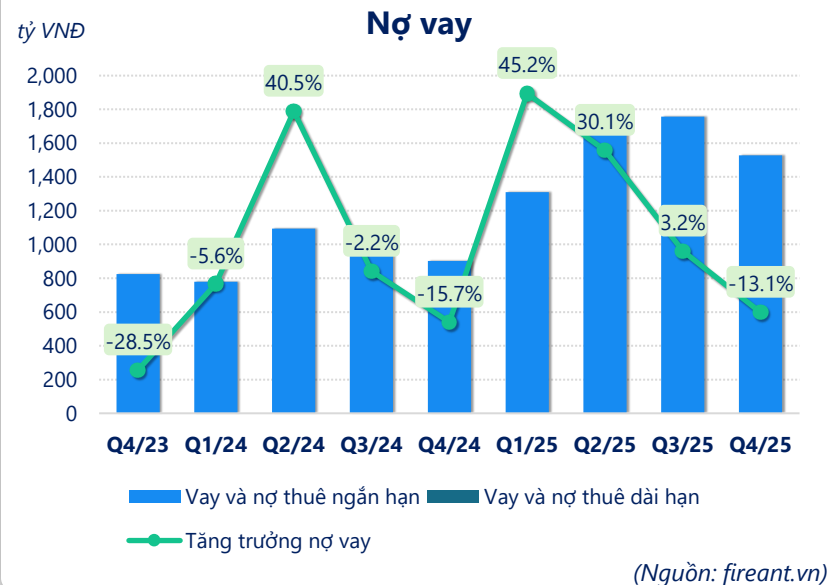
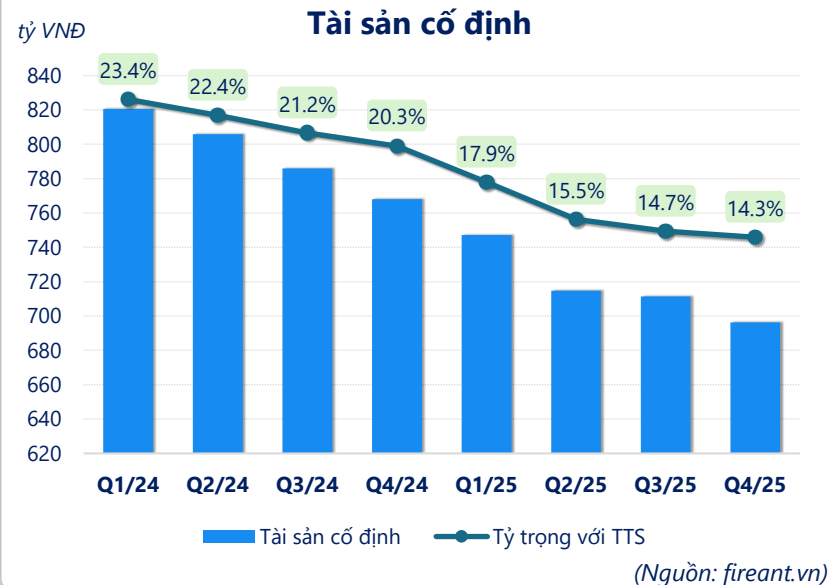
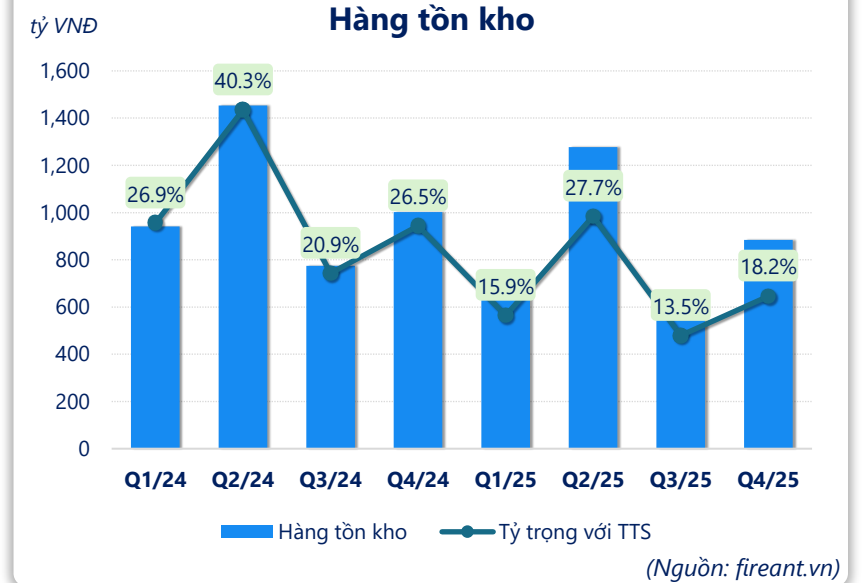
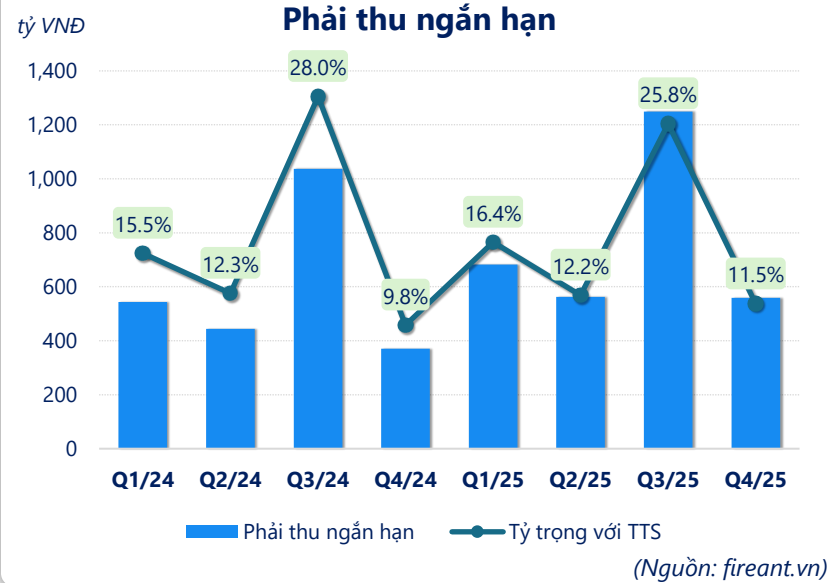
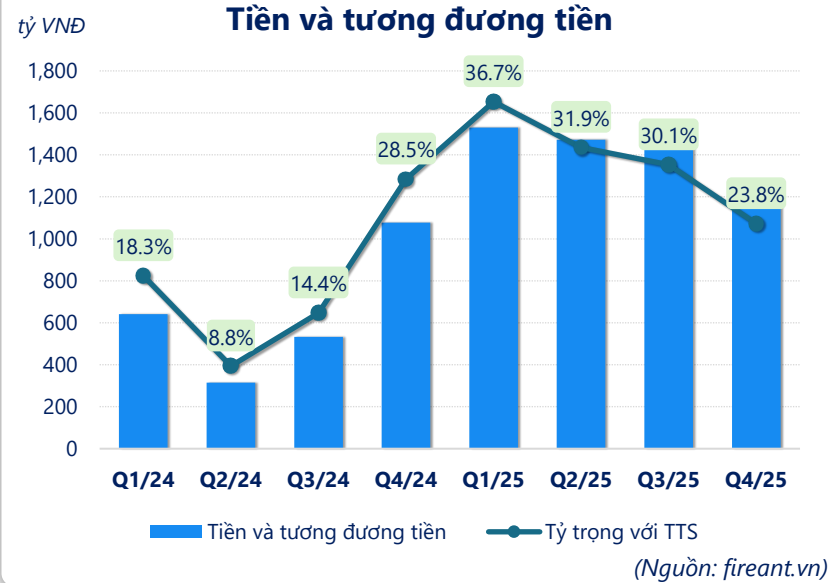
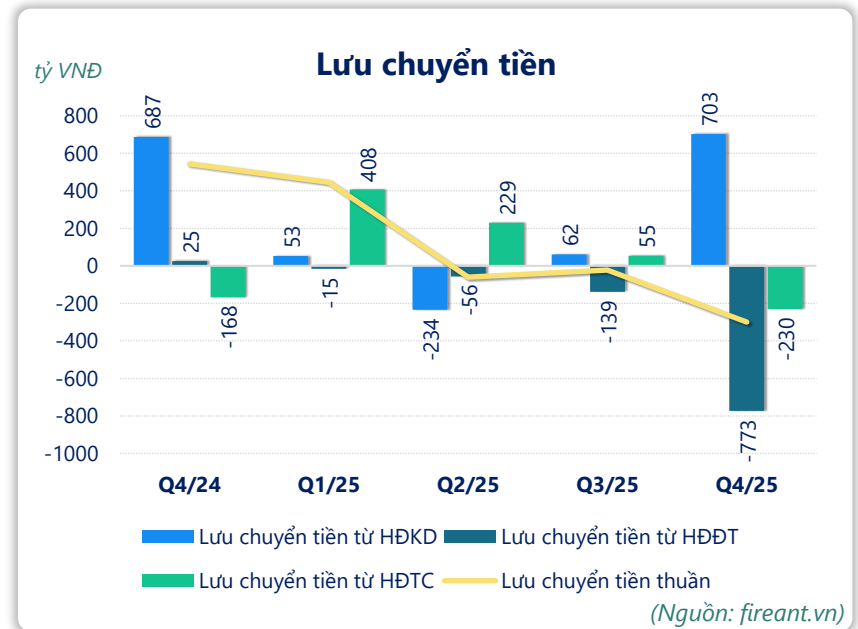
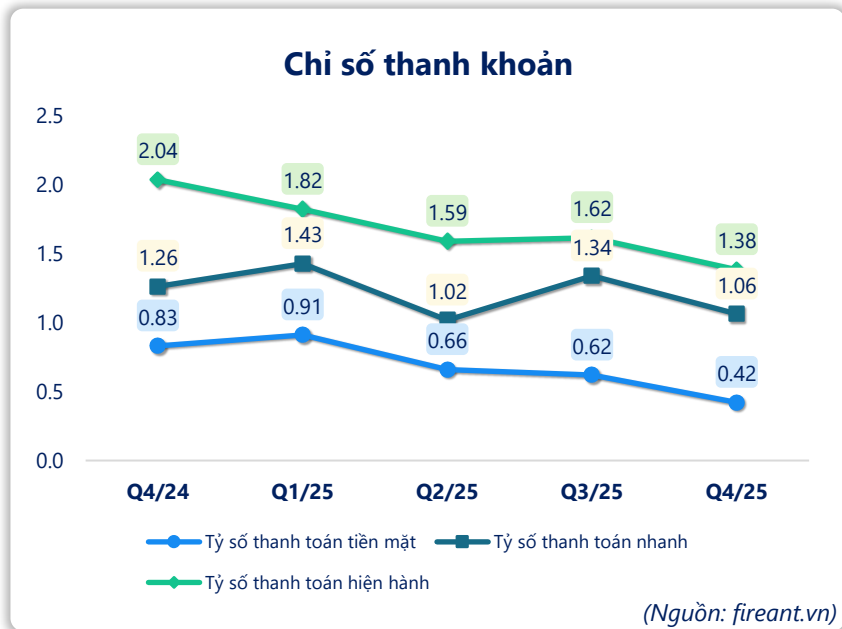
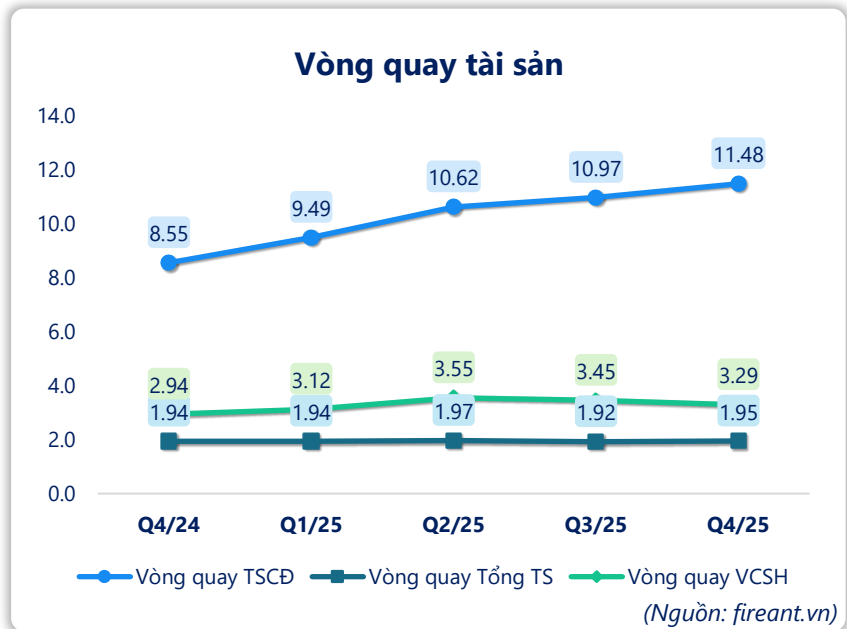
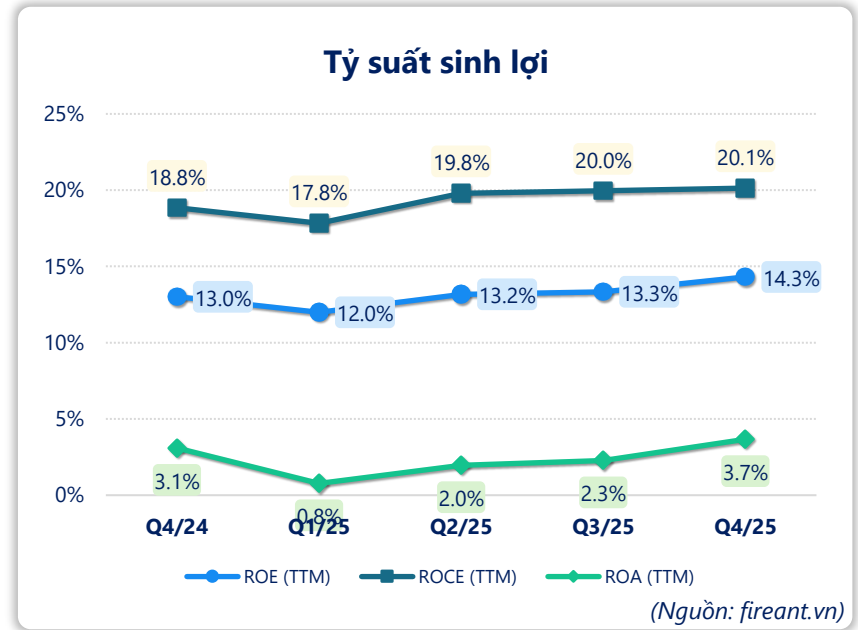
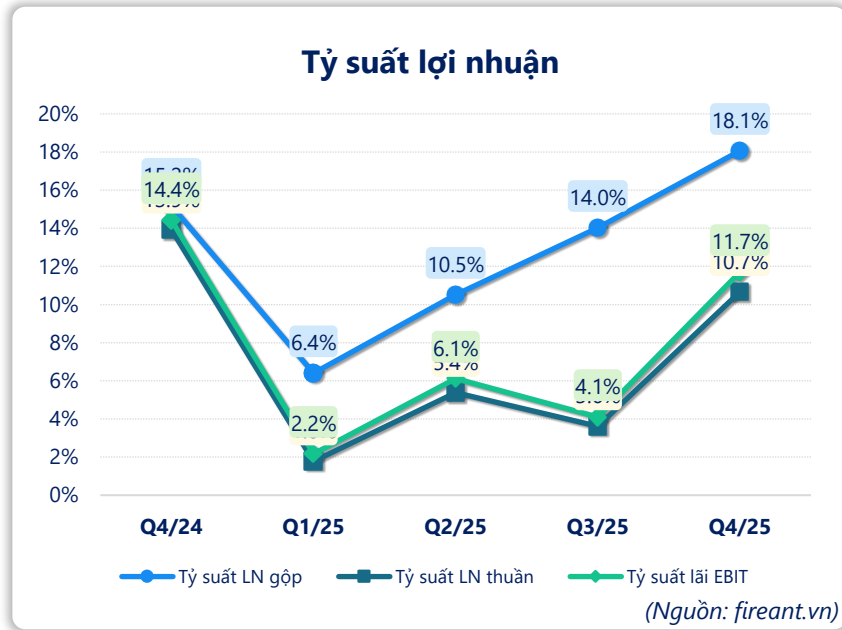
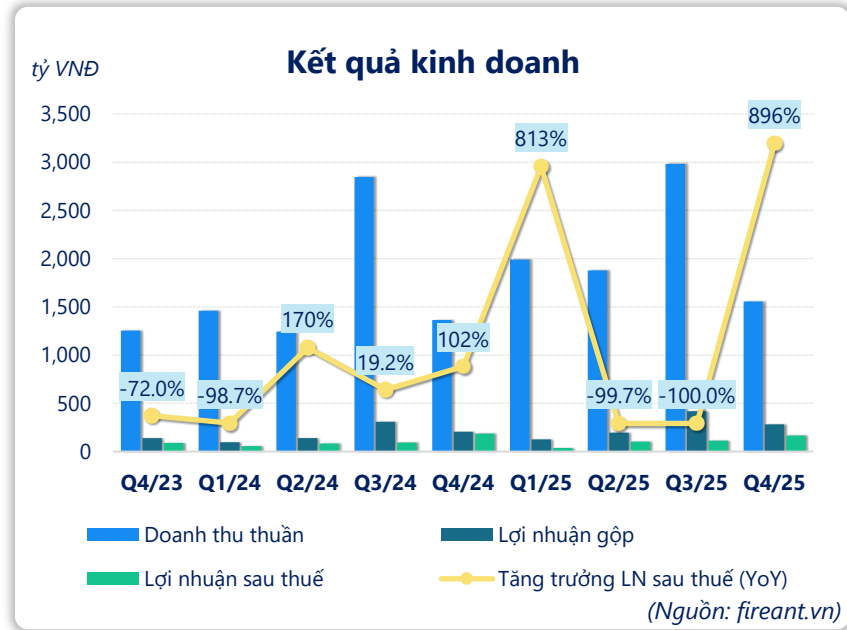


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,847
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,547
SL cổ phiếu LH		65,388,889
KLGD BQ 20 phiên (CP)		19,790
% sở hữu nước ngoài		30.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,302
P/E		6.3
EPS		5,592

	YTD	1T	3T	6T
FMC	-20.4%	-3.3%	-3.6%	-7.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,867	3,775	28.9%
Tài sản ngắn hạn	3,806	2,641	44.1%
Tiền và tương đương tiền	1,159	1,077	7.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,056	140	654%
Phải thu ngắn hạn	559	370	51.0%
Hàng tồn kho	885	1,002	-11.7%
Tài sản ngắn hạn khác	147	51.3	187%
Tài sản dài hạn	1,061	1,134	-6.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	696	768	-9.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.8	90.7	-67.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	335	275	21.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,222	1,309	69.8%
Nợ ngắn hạn	2,751	1,297	112%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,528	902	69.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	113	118	-4.1%
Nợ dài hạn	11.2	11.7	-4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,645	2,466	7.3%
Vốn chủ sở hữu	2,645	2,466	7.3%
Vốn điều lệ	654	654	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,364	1,990	1,876	2,984	1,556
Giá vốn hàng bán	1,157	1,863	1,679	2,565	1,275
Lợi nhuận gộp	207	127	197	418	281
Doanh thu HĐTC	60.1	28.6	49.8	43.3	31.8
Chi phí TC	7.34	13.3	16.0	14.6	22.3
Chi phí lãi vay	6.82	6.85	14.1	14.4	15.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.4	88.5	106	316	96.8
Chi phí QLDN	29.4	18.9	23.9	22.9	27.9
LN thuần từ HĐKD	190	35.4	101	108	166
Lợi nhuận khác	-0.09	0.95	-0.08	0	0.55
LN trước thuế	190	36.3	101	108	166
Lợi nhuận sau thuế	187	37.7	102	112	166
LNST của CĐ cty mẹ	110	29.6	80.4	97.2	158

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	687	52.8	-234	61.8	703
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.9	-15.2	-56.2	-139	-773
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-168	408	229	54.7	-230
Tiền đầu kỳ	533	1,077	1,529	1,472	1,455
Lưu chuyển tiền thuần	544	445	-60.6	-22.8	-300
Ảnh hưởng tỷ giá	1.17	6.48	3.41	5.42	4.23
Tiền cuối kỳ	1,077	1,529	1,472	1,455	1,159

(Nguồn: fireant.vn)